

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÔNG TRIỀU  
TRƯỜNG THCS NGUYỄN DU

**BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY  
HỌC KÌ I, NĂM HỌC 2022-2023**

*Thực hiện từ ngày 05/09/2022*

| TT | Họ và Tên           | Kiểm nhiệm              | Phân công chuyên môn                                                       | Số tiết |
|----|---------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1  | Hoàng Ánh Tuyết     |                         | TNHN-CC K7(1t)                                                             |         |
| 2  | Nguyễn Thế Anh      |                         | TD K6,7,9 (20t)                                                            | 20      |
| 3  | Nguyễn Thị Chín     |                         | TA 9D1,4(6t) + TA 6 (9t) + GD CD 9D1,4 (2t)                                | 17      |
| 4  | Chu Thị Hồng Giang  | CN 8C3(4t)              | Sinh 9D4 (2t) + Sinh 8C3 (2t) + KHTN 6A2,3 (8t))                           | 16      |
| 5  | Nguyễn Thu Hiền     | CN 7B1(4t)              | TA K7 (9t) + TA 8C3(3t) + TNH-N-SHL 7B1 (1t) + HĐNGLL 9D4, 8C3(1t)         | 18      |
| 6  | Bùi Thị Hương       | TTCM(3t)<br>TKHD(2t)    | Sử K6 (6t) + Sử K7 (3t) + Sử K9(4t)                                        | 18      |
| 7  | Nguyễn Thị Thu Liễu | CN9D3(4t)<br>TPCM (1t)  | Văn 9D3,4(10t) + Văn 8C2 (4t)                                              | 19      |
| 8  | Trần Thị Thu Phương |                         | Toán 9D1 (4t) + Toán 7B1 (4t) + TC Toán K9 (8t) + TN STEM K8,9 (2t)        | 18      |
| 9  | Nguyễn Thị Thuý     |                         | Văn 8C1,3 (8t) + Sử K8 (6t) + GD CD K6 (3t) + <b>GDĐP K7(3t)</b>           | 17      |
| 10 | Phạm Thị Bích Thủy  | CN 9D4(4t)<br>TPCM (1t) | Hóa K8(6t) + Hóa K9D3,4(4t) + KHTN 7B3 (4t)                                | 19      |
| 11 | Vũ Thị Thanh Hoan   | CN 7B3(4t)<br>TTND(2t)  | KHTN 6A1 (4t) + Toán 7B3 (4t) + TNH-N-SHL 7B3 (1t) + Lý 9D2,3 (4t)         | 19      |
| 12 | Nguyễn T Bích Ngọc  |                         | Địa K6(3t) + Địa K7 (6t) + Địa 9D1,3,4 (6t) + Địa K8 (3t)                  | 18      |
| 13 | Đỗ Mai Hoa          | CN 6A3(4)               | Công nghệ 6A1,3 (2t) + Toán 9D2,3(8t) + Toán 6A3 (4t) + TNH-N-SHL 6A3 (1t) | 19      |
| 14 | Vũ Thị Thu Phương   | TPT (9t)                | Nhạc K6,7,8 (9t) + TNH-N-CC K6(1t)                                         | 19      |
| 15 | Bùi Quốc Hùng       | QL Loa máy (1t)         | Họa K6,7,8 (9t) + Nhạc K9(4t) + Công nghệ K9 (4t)                          | 18      |
| 16 | Nguyễn Văn Hiếu     |                         | C.Nghệ K8 (6t) + Lý K8 (3t) + TD K8(6t) + Công nghệ K7 (3t)                | 18      |
| 17 | Lương Thu Trang     | CN 8C2 (4)              | Lý 9D1,4 (4t) + Toán 8C2,3 (8t) + HĐNGLL 8C1,2(1)                          | 17      |
| 18 | Nguyễn Thị Hiền     | CN7B2 (4t)              | Toán 8C1 (4t) + Toán 7B2 (4) + TC Toán K8 (6t) + TNH-N-SHL 7B2 (1t)        | 19      |
| 19 | Nguyễn Thị Ngát     | CN 9D2(4t)<br>CTCĐ(3t)  | Văn 9D2 (5t) + Văn 6A1 (4t) + Địa 9D2 (2t) + HĐNGLL 9D2,3(1t)              | 19      |
| 20 | Phạm Quỳnh Anh      | CN 6A2(4)               | Văn 6A2,3 (8t) + Văn 7B3 (4t) + TNH-N-SHL 6A2 (1t)                         | 17      |
| 21 | Chu Thị Lan Phương  | CN 6A1(4)<br>TTCM (3t)  | Toán 9D4 (4t) + Toán 6A1,2(8t) + TNH-N-SHL 6A1 (1t)                        | 20      |
| 22 | Vũ Thị Ngọc Mai     | CN 8C1(4t)              | TA 9D2,3(6t) + TA8C1,2(6t) + GD CD K8(3t)                                  | 19      |
| 23 | Nguyễn Thị Liên     |                         | Văn 9D1(5t) + Văn 7B1,2 (8t) + GDĐP K6 (3t) + GD CD K7(3t)                 | 19      |

| TT | Họ và Tên         | Kiểm nhiệm         | Phân công chuyên môn                                                                                             | Số tiết |
|----|-------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 24 | Đỗ Thị Vân        | CN 9D1(4t)         | Sinh 9D1 (2t) + Hóa 9D1,2(4t) + KHTN 7B1,2 (8t) + HĐNGLL9D1(0,5t)                                                | 18,5    |
| 25 | Vũ Thị Thùy Dương | CNTT<br>QLHSVC(2t) | Thủ quỹ (2t) + Tin 6 (3t) + Tin 7 (3t) + TNH-N-CĐ K6 (3t) + Dạy Tin học trường TH&THCS Tân Việt (3t)             | 16      |
| 26 | Phạm Lan Anh      |                    | Sinh 8C1,2 (4t) + Sinh 9D2,3 (4t) + Công nghệ 6A2 (1t) + GD CD 9D2,3 (2t) + TNH-N-CĐ K7 (3t) + TN STEM K6-7 (2t) | 16      |
| 27 | Nguyễn Hồng Lam   |                    | GD Hướng nghiệp K9                                                                                               |         |

**Ghi chú:**  
 TNH-N-CC: Trải nghiệm hướng nghiệp - Chào cờ  
 TNH-N- CĐ: Trải nghiệm hướng nghiệp - Chủ đề  
 TNH-N -SHL: Trải nghiệm hướng nghiệp - Sinh hoạt lớp  
 GDĐP: Giáo dục địa phương

**HIỆU TRƯỞNG**

**Hoàng Ánh Tuyết**